

WORKSHEET

FFs1-Review



Teacher's
feedbacks



Task 1: Look and write vocabulary.

(Nhìn và điền từ vựng vào ô trống.)

living room

candy

bedroom

sandwich

kitchen

biscuit

grapes

garden

chicken



1

2

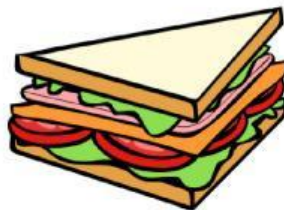
3



4

5

6



7

8

9



Task 2: Add **s or **es** to the end of verbs.**

(Thêm **s** hoặc **es** vào sau đuôi các động từ.)

write

writes

catch

wash

sit

watch

ride

eat

cook

love

kiss

teach



Task 3: Look and write like or don't like.

(Nhìn và điền like hoặc don't like vào ô trống.)

Like



/ don't like



1. I _____ apples.



2. I _____ orange juice.



3. I _____ milk.



4. I _____ noodles.



5. I _____ rice.



6. I _____ chicken.



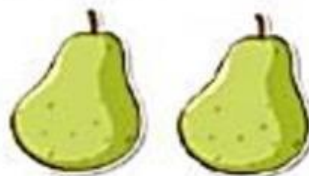
7. I _____ fish.



8. I _____ watermelons.



9. I _____ pears.



10. I _____ sandwiches.

